TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) - Kỳ II: Từ tiền kiểm sang hậu kiểm - Cách quản lý thực phẩm sẽ thay đổi ra sao?

09:22 21/07/2026

Điểm thay đổi lớn nhất của dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) không nằm ở việc bổ sung thủ tục mới, mà ở sự chuyển dịch từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Cùng với việc phân loại thực phẩm theo mức độ nguy cơ, cơ chế quản lý được định hướng theo dõi xuyên suốt vòng đời sản phẩm, thay vì chỉ dừng ở khâu cấp phép trước lưu hành.



Tăng cường đấu tranh, xử lý nghiêm vi phạm an toàn thực phẩm, không có “vùng cấm”

Phân loại theo nguy cơ - Nền tảng của mô hình quản lý mới

Thực tế hiện nay, một sản phẩm được đưa ra thị trường không đồng nghĩa quá trình quản lý đã kết thúc bởi nguy cơ mất an toàn có thể phát sinh sau thời

điểm công bố hoặc đăng ký sản phẩm, từ việc thay đổi nguyên liệu, quy trình sản xuất, điều kiện bảo quản đến hoạt động phân phối và kinh doanh.

Xuất phát từ thực tế đó, dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) được xây dựng trên hai định hướng xuyên suốt chính là phân loại thực phẩm theo mức độ nguy cơ và tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình sản phẩm lưu thông trên thị trường.

Thực phẩm là nhóm hàng hóa có phạm vi rất rộng, bao gồm nhiều loại sản phẩm khác nhau về thành phần, công dụng, đối tượng sử dụng cũng như mức độ tác động đến sức khỏe con người. Có những sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng thông thường, nhưng cũng có những nhóm dành cho trẻ nhỏ, người có chế độ ăn đặc biệt hoặc người cần hỗ trợ dinh dưỡng y học. Vì vậy, việc áp dụng một phương thức quản lý đồng nhất cho tất cả các nhóm thực phẩm khó phản ánh đầy đủ mức độ nguy cơ của từng loại sản phẩm.

Theo báo cáo chính sách, việc phân loại thực phẩm để quản lý được xây dựng trên bốn tiêu chí gồm lấy sức khỏe người dân làm trung tâm; phù hợp với thông lệ quốc tế; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam; và dựa trên đặc tính kỹ thuật của từng loại thực phẩm. Cách tiếp cận này hướng tới lựa chọn đúng công cụ quản lý đối với từng nhóm sản phẩm, thay vì áp dụng đồng loạt một quy trình cho mọi loại thực phẩm.

Đối với nhóm sản phẩm yêu cầu công nghệ bào chế kỹ thuật cao hoặc có nguy cơ bị làm giả, như thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng y học, dự thảo định hướng tiếp tục kiểm soát hồ sơ kỹ thuật theo thông lệ quốc tế. Trong khi đó, phần lớn các nhóm thực phẩm còn lại thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và chịu sự kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu thông trên thị trường.

Điểm thay đổi đáng chú ý là trọng tâm quản lý được định hướng chuyển từ việc chủ yếu xem xét hồ sơ trước khi lưu hành sang giám sát sản phẩm và việc tuân thủ các quy định trong suốt vòng đời lưu thông. Điều này không đồng nghĩa với việc nới lỏng yêu cầu về an toàn thực phẩm, mà là phân loại rõ đối tượng quản lý, áp dụng công cụ phù hợp và tập trung nguồn lực kiểm tra vào những sản phẩm, cơ sở hoặc lô hàng có mức độ nguy cơ cao hơn.

Theo Báo cáo về chính sách Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi), cách tiếp cận quản lý theo nguy cơ còn tạo cơ sở để phân biệt giữa những cơ sở đầu tư nghiêm túc cho chất lượng với các trường hợp có lịch sử vi phạm hoặc tiềm ẩn rủi ro. Luật được xây dựng theo hướng vừa bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng, vừa tạo sự bình đẳng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh tuân thủ tốt

các quy định về chất lượng và an toàn thực phẩm.



Lực lượng chức năng kiểm tra công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Phân loại để lựa chọn phương thức quản lý phù hợp

Trên cơ sở phân loại theo mức độ nguy cơ, dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) thiết kế ba phương thức quản lý đối với thực phẩm sản xuất trong nước trước khi sản phẩm được đưa ra lưu thông. Đây là đề xuất nhằm lựa chọn biện pháp quản lý tương ứng với từng nhóm thực phẩm, thay vì áp dụng một quy trình thống nhất cho mọi sản phẩm.

Trong đó, nhóm thứ nhất phải thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm, gồm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt và sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ đến 36 tháng tuổi. Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký, các sản phẩm này vẫn tiếp tục chịu sự kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu thông trên thị trường.

Nhóm thứ hai thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, bao gồm thực phẩm đã qua chế biến, bao gói sẵn; phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến; vi chất dinh dưỡng; thực phẩm bổ sung; dụng cụ chứa đựng thực phẩm và vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Việc công bố tiêu chuẩn không thay thế hoạt động hậu kiểm. Các sản phẩm thuộc nhóm này vẫn được kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu thông theo quy định.

Nhóm thứ ba không phải thực hiện công bố nhưng vẫn chịu sự kiểm tra trên thị trường. Nhóm này gồm thực phẩm tươi sống; thực phẩm sơ chế chưa bao gói; thực phẩm phục vụ yêu cầu cấp bách về phòng, chống dịch bệnh, quốc phòng, an ninh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa; thực phẩm làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học hoặc trưng bày tại triển lãm, hội chợ và không sử dụng vào mục đích kinh doanh.

Bên cạnh đó, báo cáo về chính sách Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) cũng đề cập một số trường hợp liên quan đến hàng hóa chỉ để xuất khẩu, nguyên liệu dùng để sản xuất thực phẩm xuất khẩu hoặc phục vụ nội bộ, thực phẩm viện trợ và nguyên liệu dùng để sản xuất sản phẩm đã được đăng ký hoặc công bố.

Điểm đáng chú ý ở dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) này đó là việc dù thuộc nhóm nào, các sản phẩm đều được đặt trong cơ chế kiểm tra, giám sát trên thị trường. Từ đó, có thể thấy rằng việc phân loại sẽ không tạo ra khoảng trống quản lý mà đang hướng tới áp dụng biện pháp quản lý phù hợp với mức độ nguy cơ của từng nhóm thực phẩm, đồng thời tránh áp dụng cùng một thủ tục đối với những sản phẩm có đặc tính và rủi ro khác nhau.

Ngoài ra, một điểm đáng chú ý khác tại dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) chính là định hướng đơn giản hóa thủ tục đối với những sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật. Theo dự thảo, sản phẩm thực hiện đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng theo Luật An toàn thực phẩm sẽ không phải đăng ký hợp quy theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn áp dụng phải bảo đảm đạt tối thiểu quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Đối với thực phẩm nhập khẩu, các biện pháp quản lý về đăng ký, công bố và kiểm tra trong quá trình lưu thông được áp dụng tương tự thực phẩm sản xuất trong nước. Ba phương thức kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu gồm kiểm tra chặt, kiểm tra thông thường và kiểm tra giảm tiếp tục được duy trì. Cụ thể:

Thứ nhất, kiểm tra chặt bao gồm kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực trạng hàng hóa và lấy mẫu kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn trong hồ sơ công bố (nếu có), cùng các chỉ tiêu không đạt hoặc có cảnh báo.

Thứ hai, kiểm tra thông thường thực hiện kiểm tra hồ sơ, lựa chọn ngẫu nhiên một tỷ lệ lô hàng để kiểm tra thực tế và lấy mẫu; hàng hóa vẫn được thông quan mà không phải chờ kết quả kiểm nghiệm. Trường hợp kết quả kiểm nghiệm không đạt, cơ quan có thẩm quyền thực hiện truy xuất nguồn gốc, áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn sự cố và xử lý theo quy định.

Đối với các lô hàng đã có kết quả chứng nhận an toàn thực phẩm theo thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền, dự thảo định hướng không thực hiện kiểm tra lấy mẫu tại cửa khẩu.

Thứ ba, kiểm tra giảm được áp dụng đối với nông sản và thực phẩm được sản xuất tại các cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt hoặc hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến.

Theo Bộ Y tế, cách tiếp cận này nhằm đơn giản hóa thủ tục, công nhận kết quả của các hệ thống quản lý, tiêu chuẩn và chứng nhận quốc tế có uy tín, qua đó tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định về an toàn thực phẩm.



Thực hiện tốt công tác quản lý an toàn thực phẩm sẽ góp phần bảo vệ sức khỏe người dân và tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, bền vững

Hậu kiểm trở thành trọng tâm của quản lý an toàn thực phẩm

Nếu việc phân loại thực phẩm theo mức độ nguy cơ là cơ sở để lựa chọn phương thức quản lý phù hợp, thì hậu kiểm là điều kiện để mô hình quản lý này vận hành hiệu quả. Theo Báo cáo về chính sách Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi), hoạt động kiểm tra, giám sát sau khi sản phẩm lưu hành được thực hiện trên cơ sở dữ liệu về kết quả đánh giá nguy cơ, kết quả kiểm nghiệm, thông tin về sự cố, kết quả giám sát và lịch sử tuân thủ của cơ sở qua các cuộc thanh tra, kiểm tra trước đó.

Cách tiếp cận này cho thấy cơ quan quản lý không chỉ xem xét sản phẩm đã hoàn thành thủ tục trước khi lưu hành hay chưa, mà còn theo dõi việc cơ sở sản xuất, kinh doanh có duy trì đúng các tiêu chuẩn, điều kiện và trách nhiệm trong suốt quá trình sản phẩm được lưu thông trên thị trường.

Theo dự thảo, hậu kiểm không chỉ là các cuộc thanh tra, kiểm tra sau lưu hành mà còn bao gồm hoạt động chủ động lấy mẫu giám sát thị trường; hoàn thiện hệ thống kiểm nghiệm; phân tích nguy cơ; phòng ngừa, ngăn chặn sự cố; truy xuất nguồn gốc; thu hồi và xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn. Đây là các công cụ được thiết kế để hỗ trợ hoạt động quản lý trong toàn bộ quá trình lưu thông của sản phẩm.

Trong mô hình này, hệ thống kiểm nghiệm được xác định là một mắt xích quan trọng. Báo cáo của Bộ Y tế cho biết, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục đối với cơ sở kiểm nghiệm được Nhà nước chỉ định, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng, cơ sở kiểm nghiệm không được chỉ định cũng như phòng kiểm nghiệm của cơ sở sản xuất.

Việc hoàn thiện khung pháp lý đối với hệ thống kiểm nghiệm được đặt ra nhằm tạo cơ sở để hoạt động lấy mẫu, giám sát và xử lý vi phạm được thực hiện thống nhất. Cùng với đó, theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) dự kiến giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí cho hoạt động lấy mẫu của các cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định và công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

Bên cạnh hoạt động kiểm nghiệm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm cũng được đặt trong cùng một cơ chế quản lý. Cụ thể, khi phát hiện thực phẩm không bảo đảm an toàn, cơ quan quản lý cần có đầy đủ thông tin để xác định nguồn nguyên liệu, cơ sở sản xuất, phạm vi phân phối và các điểm sản phẩm đang lưu hành trên thị trường. Việc thu hồi vì vậy được thực hiện trên cơ sở dữ liệu xuyên suốt chuỗi cung ứng, phục vụ việc xác định sản phẩm, nguồn gốc và phạm vi lưu thông để áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Ngoài ra, dự thảo cũng định hướng hoàn thiện trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm. Đây là chủ thể chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý đối với sản phẩm đã công bố, nhưng theo đánh giá của Bộ Y tế, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong toàn bộ vòng đời của sản phẩm. Vì vậy, chính sách sửa đổi hướng tới xác lập rõ hơn trách nhiệm của chủ thể này, đồng thời bổ sung cơ chế thu hồi hoặc xử lý đối với hồ sơ sử dụng giấy tờ giả mạo, thông tin không trung thực, sản phẩm là hàng giả hoặc chứa chất cấm.

Không những vậy, sự phát triển của thương mại điện tử cũng được bổ sung vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo. Theo đó, cơ sở kinh doanh thực phẩm trên môi trường thương mại điện tử phải đăng tải hoặc cung cấp cho chủ quản nền tảng các giấy tờ liên quan đến đăng ký bản công bố, công bố tiêu chuẩn áp dụng và xác nhận nội dung quảng cáo (nếu có). Chủ quản nền tảng có trách nhiệm xây dựng cơ chế kiểm duyệt và yêu cầu cơ sở kinh doanh cung cấp đầy đủ hồ sơ đối với từng sản phẩm trước khi đăng tải.

Trường hợp không thực hiện các biện pháp kiểm duyệt cần thiết, dẫn đến xảy ra sự cố an toàn thực phẩm hoặc gây thiệt hại cho người tiêu dùng, chủ quản nền tảng được định hướng chịu trách nhiệm liên đới theo quy định.

Nhìn tổng thể, các nội dung sửa đổi đều hướng tới nguyên tắc xuyên suốt là sản phẩm được phép lưu hành không đồng nghĩa với việc trách nhiệm của doanh nghiệp và cơ quan quản lý đã kết thúc. Doanh nghiệp tiếp tục phải duy trì chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn đã công bố và lưu giữ thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc; cơ quan quản lý tiếp tục thực hiện giám sát, lấy mẫu, phân tích nguy cơ và xử lý khi phát hiện vi phạm; các chủ thể trung gian, trong đó có nền tảng thương mại điện tử, cũng được bổ sung trách nhiệm tương ứng trong chuỗi quản lý an toàn thực phẩm.

Theo định hướng của dự thảo, hiệu quả của hoạt động hậu kiểm gắn liền với việc kết nối thông tin về sản phẩm, doanh nghiệp, kết quả kiểm nghiệm, lịch sử tuân thủ và quá trình lưu thông. Đây là cơ sở để tăng cường quản lý theo nguy cơ trong toàn bộ vòng đời của sản phẩm, thay vì chỉ tập trung vào khâu tiền kiểm trước khi lưu hành.

Hải Minh